

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG THÍT
TỈNH VĨNH LONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 69 /2019 / HNGĐ-ST.
Ngày: 12 – 9 – 2019 .
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung,
chia tài sản chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Công Hảo

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Phẩm
2. Ông Nguyễn Đình Cường

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoài Bảo, Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Mang Thít.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít : Ông Huỳnh Hữu Tài - Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít.

Ngày 12 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 131/2019/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 5 năm 2019; Về việc: “ *Xin ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Trường G, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy T trình bày:

Năm 2002 chị Nguyễn Thị Thùy T, anh Nguyễn Trường G kết hôn theo phong tục tập quán, sau khi đám cưới anh, chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Vợ, chồng chị T sinh sống tại ấp H, xã T, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Trong quá trình sống chung có 02 con chung là

Nguyễn Yến K, sinh ngày 01/12/2003; Nguyễn Hồng L, sinh ngày 03/10/2005. Thời gian đầu vợ, chồng chung sống rất hạnh phúc đến năm 2011 thì chị T và anh G bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh G gây nhiều khoản nợ và kéo dài nhiều năm, mâu thuẫn trầm trọng đã ly thân nhau khoảng 8 (tám) tháng nay không đoàn tụ lại, Nay chị T cảm thấy tình cảm không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Trường G.

Về con chung: Theo nguyện vọng con chung Nguyễn Yến K, sinh ngày 01/12/2003 có nguyện vọng sống chung với anh G và Nguyễn Hồng L, sinh ngày 03/10/2005 có nguyện vọng sống chung với chị T nên chị đồng ý theo nguyện vọng của 02 con, chị T không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con chung và chị T cũng không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: 01 chiếc xe máy hiệu Sirius, hãng YAMAHA, biển số 64G1- ABC.XY do anh Nguyễn Trường G đứng giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy, chị T, anh G thống nhất giá trị xe là 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Chị T yêu cầu được tiếp tục sở hữu xe máy để làm phương tiện đi làm và đưa con đi học.

Về nợ chung: Không đặt ra, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ chứng minh chị T đã cung cấp cho Tòa án và được họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ xác định là đầy đủ và không cung cấp chứng cứ thêm.

The các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Trường G trình bày:

Anh G thừa nhận về quan hệ hôn nhân, con chung tài sản chung như chị Thùy Trang trình bày là đúng. Anh G và chị T sống chung có 02 con chung Nguyễn Yến K, sinh ngày 01/12/2003; Nguyễn Hồng L, sinh ngày 03/10/2005, hiện nay theo nguyện vọng 02 con Nguyễn Yến K, sinh ngày 01/12/2003 có nguyện vọng sống chung với anh G và Nguyễn Hồng L, sinh ngày 03/10/2005 có nguyện vọng sống chung với chị T. Đối với xe máy hiệu Sirius, hãng YAMAHA, biển số 64G1- ABC.XY do anh Nguyễn Trường G đứng giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy, anh G thống nhất giá trị xe là 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Chị Nguyễn Thị Thùy T xin ly hôn anh G không đồng ý vì anh còn thương chị T muốn hàn gắn lại để nuôi con. Về mâu thuẫn vợ chồng như chị T trình bày là đúng, do anh G gây nợ nhiều năm nên vợ, chồng có mâu thuẫn, anh G cũng có lời lẽ hăm dọa chị T. Nếu pháp luật giải quyết cho ly hôn thì anh có ý kiến như sau:

Về con chung: Anh Nguyễn Trường G đồng ý nuôi con theo nguyện vọng của Nguyễn Yến K, sinh ngày 01/12/2003 anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Anh G đồng ý giao xe hiệu Sirius, hãng YAMAHA, biển số 64G1- ABC.XY do anh Nguyễn Trường G đứng giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy cho chị T tiếp tục quản lý sử dụng và sang tên xe theo quy định pháp luật, anh không yêu cầu nhận lại giá trị xe.

Về nợ chung: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

Trình bày, phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên tại tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này, thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với đương sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy T:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Yến K, sinh ngày 01/12/2003 cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung Nguyễn Hồng L, sinh ngày 03/10/2005 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh G iang, chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xét.

Về tài sản chung: Giao xe mô tô biển số 64G1- ABC.XY do anh Nguyễn Trường G đứng tên giấy đăng ký xe cho chị T tiếp tục quản lý sử dụng. Chị T có quyền đăng ký lại xe theo quy định pháp luật.

Về nợ chung: Không yêu cầu nên miễn xét.

Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn nộp án phí theo quy định Điều 24 và Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, về án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết là “ Ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung ” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; Do bị đơn có địa chỉ nơi đăng ký thường trú tại ấp H, xã T, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long nên Tòa án nhân dân huyện Mang Thít thụ lý

giải quyết là đúng theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2002 anh G iang, chị T kết hôn theo phong tục tập quán, sau khi đám cưới anh, chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Vì vậy quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Xét mâu thuẫn trong đời sống hàng ngày giữa vợ, chồng hiện nay đã ly thân, lý do qua nhiều năm anh G gây nợ, có lời lẽ hăm dọa chị T, tuy hiện nay anh, chị sống chung nhà nhưng đã ly thân. Chị T cương quyết ly hôn, không đoàn tụ lại. Nên cho chị T ly hôn là có căn cứ và phù hợp với Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: 02 con chung Nguyễn Yến K, sinh ngày 01/12/2003 có nguyện vọng sống chung với anh G và Nguyễn Hồng L, sinh ngày 03/10/2005 có nguyện vọng sống chung với chị T. Nên giao theo nguyện vọng 02 con chung, là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi 02 con chung nên không xem xét.

[2.3] Tài sản chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị T và anh G giao xe mô tô biển số 64G1- ABC.XY có giá trị 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) do anh Nguyễn Trường G đứng tên giấy đăng ký xe cho chị T tiếp tục quản lý sử dụng.

[2.4] Về nợ chung: Không đặt ra, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn nộp án phí theo quy định tại Điều 24 và Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 59, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 235 và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 24 và Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện cho nguyên đơn Nguyễn Thị Thùy T được ly hôn với bị đơn Nguyễn Trường G.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Yến K, sinh ngày 01/12/2003 cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung Nguyễn Hồng L, sinh ngày 03/10/2005 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh G iang, chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xét.

Nguyên đơn, Bị đơn không trực tiếp nuôi con chung, có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Giao xe hiệu Sirius, hãng YAMAHA, biển số 64G1-ABC.XY do anh Nguyễn Trường G đứng giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy cho chị T tiếp tục quản lý sử dụng. Chị T có quyền đăng ký chủ sở hữu xe tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu nên miễn xét.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy T nộp 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, 500.000đồng (Năm trăm ngàn đồng) tiền án phí chia tài sản chung, số tiền trên được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo lai thu số N⁰0007005, ngày 02/5/2019; 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo lai thu số N⁰0007004, ngày 02/5/2019 tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít, nguyên đơn Nguyễn Thị Thùy T phải nộp thêm 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí chia tài sản chung.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 , Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Án xử công khai sơ thẩm đương sự có mặt báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện MT 01b;
- THA DS huyện MT 01b;
- Phòng KTNV & THA TAT 01b;
- UBND xã T,
- Các đương sự 02bản ;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Huỳnh Công Hảo